

Bản án số 59/2020/HNGĐ- ST

Ngày 21/8/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con
giữa chị T với anh B

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Ngọc Giới

2. Ông Trương Thanh Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Kim Thùy- Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Thắm- Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số 168/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2020 về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giáp Thị Thu T, sinh năm 2001

Địa chỉ: Thôn Huê Vân 1, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn A, xã L, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Giáp Thị Thu T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn B kết hôn ngày 17/9/2019. Trước khi kết hôn chị và anh B có được tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Lục Nam. Sau đám cưới chị về nhà anh B làm dâu nhau ngay. Vợ cAng sống hòa thuận hạnh phúc được hai tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Vợ cAng thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do vợ cAng bất đồng về quan điểm sống. Mâu thuẫn vợ cAng chị đã được gia đình hai bên động viên khuyên giải nhưng không được. Chị và anh B sống ly thân nhau từ ngày 13/2/2020. Nay chị xác định tình cảm vợ cAng giữa chị và anh B đã hết, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn B sinh được con chung là Nguyễn Minh X, sinh ngày 06/3/2018 đang ở với chị, cháu phát triển B thường. Ly hôn,

chị có nguyện vọng tiếp tục được nuôi con. Chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Chị đang làm công nhân thu nhập trung B 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, lời khai tiếp theo, bị đơn anh Nguyễn Văn B trình bày về quá trình kết hôn như chị T đã trình bày. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn là do chị T ngoại tình. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T không còn, chị T xin ly hôn, anh nhất trí.

Về con chung: Anh và chị T có con chung là Nguyễn Minh X, sinh ngày 06/3/2018 đang ở với chị T, phát triển B thường. Do con còn nhỏ nên anh đồng ý để cho chị T tiếp tục nuôi con. Tuy nhiên, anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con cho chị T.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho chị Giáp Thị Thu T được ly hôn anh Nguyễn Văn B. Về con chung: Giao cho chị T tiếp tục nuôi con; về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản không đặt ra xem xét. Chị T phải chịu 3.000.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự trong vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn B có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Giáp Thị Thu T kết hôn với anh Nguyễn Văn B trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện Lục Nam ngày 17/9/2019, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống. Chị T và anh B sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ về tình cảm cũng như kinh tế đã lâu, ai sống thế nào thì mặc, không ai quan tâm đến ai. Nay chị T xin ly hôn, anh B đồng ý nên cần được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Giáp Thị Thu T và anh Nguyễn Văn B có con chung là Nguyễn Minh X, sinh ngày 06/3/2018. Ly hôn, chị T, anh B đều đồng ý để cho chị T tiếp tục nuôi con nên được chấp nhận. Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải chị T yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng, nhưng tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con. Việc rút yêu cầu của chị T là hoàn toàn tự nguyện nên được chấp nhận. Do đó cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

[4]. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung đối với tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[6]. Về án phí: Chị Giáp Thị Thu T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 24, khoản 1 Điều 25, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho chị Giáp Thị Thu T ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

2. *Về con chung*: Giao cháu Nguyễn Minh X, sinh ngày 06/3/2018 cho chị Giáp Thị Thu T nuôi. Anh Nguyễn Văn B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Việc thăm nom con không được để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí*: Chị Giáp Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0004712 ngày 19 tháng 4 năm 2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

4. *Về kháng cáo*: Bảo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày, kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Ủy ban nhân xã L;
- Lưu A sơ, v/p.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân